

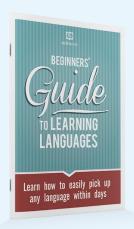
Family & Friends in Vietnamese



<u>Listen to the free</u> <u>audio recordings</u>

You can find audio recordings of all these words & phrases and more useful free stuff on our website:

https://app2brain.com/learnlanguages/vietnamese/family-friends



<u>Download our free</u> <u>language learning e-book</u>

We also offer a free guide that shows you the most useful tips and techniques to learn a new language:

https://app2brain.com/ learn-languages/ebooks/ free-guide/



Family & Relatives

English	Vietnamese
friendship	Tình bạn
family	Gia đình
parents	Cha mẹ
father	Bố
dad	Bố
daddy	Bố
mother	Mę
mom	Mę
mommy	Mę
siblings / brothers and sisters	Anh chị em
brother	Anh hoặc em trai
sister	Chị hoặc em gái
child	Trẻ con
son	Con trai
daughter	Con gái
grandparents	Ông bà
grandfather	Ông
grandpa	Ông
grandmother	Bà
grandma	Bà
grandchild	Cháu
uncle	Chú
aunt	Dì
cousin	Em họ Anh họ





Love & Friendship

English	Vietnamese
love	Tình yêu
(to) love	Yêu
I love you	Anh yêu em Tôi yêu bạn
I love you very much	Anh yêu em nhiều Tôi yêu bạn nhiều
boyfriend	Bạn trai
girlfriend	Bạn gái
Do you want to marry me?	Bạn có muốn cưới mình không? Em có muốn cưới anh không?
husband	Chồng
wife	Vợ
married	Đã cưới
friendship	Tình bạn

